

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo soát xét	6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 12 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Sông Đà 12 theo Quyết định số 2098/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100105140 ngày 22 tháng 04 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 13 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 06 năm 2014 Vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*)

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại : 043 5 573 681
Fax : 043 5 573 682
Mã số thuế : 0 1 0 0 1 0 5 1 4 0

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 12 – Xi nghiệp Sông Đà 12.11	Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 12 – Xi nghiệp Sông Đà 12.4	Số 55 Quốc lộ 5, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 12 – Xi nghiệp Sông Đà 12.2	Đường Trần Quý Cáp, tổ 19, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Nhà máy gạch không nung Sông Đà 12 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Số 133, phố Lục Đầu Giang, phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Quản lý, kinh doanh nhà;
- Tái chế phế liệu. Chi tiết: Tháo dỡ thiết bị, cấu kiện sắt thép, phương tiện vận tải thủy bộ;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa, đại tu các phương tiện vận tải, máy xây dựng, gia công cơ khí phi tiêu chuẩn và kết cấu thép trong xây dựng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt, vận hành khí nén;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê thiết bị, cần trục;
- Cho thuê xe có động cơ
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận tải thủy;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Xây dựng nhà các loại

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (đường bộ, cầu cảng, sân bay);
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ xếp dỡ hàng hoá, máy móc, thiết bị thông thường, chuyên dùng, hàng Container và siêu trường siêu trọng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Đóng mới phương tiện vận tải thủy;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất vỏ bao xi măng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh khí nén; Chế biến và kinh doanh than mỏ, xăng, dầu. mỡ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt vận hành mạng thông tin liên lạc;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất xi măng;
- Sản xuất sắt, thép, gang Chi tiết: Sản xuất thép;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh thép, xi măng, chất phụ gia bê tông, vật tư, thiết bị xây dựng; Kinh doanh vật liệu không nung;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng thủy lợi, đường dây và trạm biến thế;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây lắp các công trình giao thông, thủy điện, bu điện, hệ thống điện đến 220KV, hệ thống cấp thoát nước công nghiệp và dân dụng; Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh nhà máy điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Thi công xây lắp hệ thống điện đến 220KV;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác nguyên liệu phi quặng;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất phụ tùng, phụ kiện kim loại dùng cho xây dựng, cột điện ly tâm;
- Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chất phụ gia bê tông;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết; Sản xuất vật liệu xây dựng không nung;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Kinh doanh nước sản xuất và sinh hoạt;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Kinh doanh điện;
- (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Dũng	Chủ tịch	18 tháng 04 năm 2012	
Ông Hoàng Văn Thái	Ủy viên	04 tháng 07 năm 2014	
Bà Trần Thị Thụy Dung	Ủy viên	18 tháng 04 năm 2012	
Ông Trịnh Khải	Ủy viên	18 tháng 04 năm 2012	
Ông Nguyễn Đức Dân	Ủy viên	18 tháng 04 năm 2012	
Ông Lê Việt Thắng	Ủy viên	18 tháng 04 năm 2012	04 tháng 07 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đức Quang	Trưởng ban	18 tháng 04 năm 2012	
Bà Phạm Thị Thanh Tâm	Thành viên	18 tháng 04 năm 2012	
Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên	18 tháng 04 năm 2012	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Văn Thái	Tổng Giám đốc	17 tháng 06 năm 2014	
Ông Lê Việt Thắng	Tổng Giám đốc	18 tháng 04 năm 2012	13 tháng 05 năm 2014
Ông Trịnh Khải	Phó Tổng Giám đốc	17 tháng 07 năm 2005	
Ông Nguyễn Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	22 tháng 01 năm 2013	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Hoàng Văn Thái
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Số: 362/2014/BCTC-KTTV-TV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI
CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2014, từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét vào ngày 27 tháng 8 năm 2013 với nhận xét không nhận thấy có sự kiện nào để cho thấy Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội**

Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2013-008-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		304.817.882.515	288.081.938.066
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.975.552.437	11.015.744.820
1. Tiền	111		2.975.552.437	11.015.744.820
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.770.559.664	4.756.198.600
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	6.345.460.555	5.349.963.991
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(574.900.891)	(593.765.391)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		175.182.378.926	145.487.215.486
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	138.359.509.558	111.682.980.646
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	9.731.490.184	12.954.915.042
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	41.953.018.200	34.727.910.312
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(14.861.639.016)	(13.878.590.514)
IV. Hàng tồn kho	140		81.814.080.504	98.442.653.229
1. Hàng tồn kho	141	V.8	81.814.080.504	98.442.653.229
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.075.310.984	28.380.125.931
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	203.544.570	12.656.057
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.483.529.177	340.708.746
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	32.388.237.237	28.026.761.128

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		104.147.749.891	116.474.962.343
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	894.947.600
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	894.947.600
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.571.210.027	18.299.336.805
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	6.754.714.737	7.573.097.377
<i>Nguyên giá</i>	222		25.145.998.419	25.145.998.419
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18.391.283.682)	(17.572.901.042)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	9.052.838.838	9.943.272.168
<i>Nguyên giá</i>	225		10.685.299.943	10.685.299.943
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.632.461.105)	(742.027.775)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	706.383.725	725.694.533
<i>Nguyên giá</i>	228		999.709.888	999.709.888
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(293.326.163)	(274.015.355)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	57.272.727	57.272.727
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		85.587.493.395	96.343.369.746
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	77.037.550.618	84.326.023.372
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	11.397.500.000	14.693.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(2.847.557.223)	(2.676.153.626)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.989.046.469	937.308.192
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	1.094.098.869	937.308.192
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		894.947.600	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		408.965.632.406	404.556.900.409

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		351.868.474.506	338.779.621.622
I. Nợ ngắn hạn	310		276.001.270.149	205.449.147.665
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	23.855.606.105	30.672.826.679
2. Phải trả người bán	312	V.20	94.640.769.475	80.993.929.575
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	20.385.355.324	13.800.551.860
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	32.074.433.553	26.868.317.917
5. Phải trả người lao động	315		8.995.596.764	15.031.259.890
6. Chi phí phải trả	316	V.23	20.504.646.324	7.539.447.435
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	75.264.185.164	30.254.436.869
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	280.677.440	288.377.440
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		75.867.204.357	133.330.473.957
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	71.726.688.562	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	4.140.515.795	133.330.473.957
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.097.157.900	65.777.278.787
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.28	57.097.157.900	65.777.278.787
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.773.041.681	12.629.317.961
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.004.237.106	3.004.237.106
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(8.680.120.887)	143.723.720
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		408.965.632.406	404.556.900.409

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2014

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hải

Hoàng Văn Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Dạng đầy đủ)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	100.580.149.896	62.266.916.060
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		16.228.410	449.076.661
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		100.563.921.486	61.817.839.399
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	97.495.944.128	52.685.571.992
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.067.977.358	9.132.267.407
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.768.772.600	2.142.829.858
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.101.010.026	4.969.259.914
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.948.470.929	6.295.424.514
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	477.171.397	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.907.102.505	7.196.186.945
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.648.533.970)	(890.349.594)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.287.906	1.521.596.257
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.034.874.823	2.663.127.771
13. Lợi nhuận khác	40		(2.031.586.917)	(1.141.531.514)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.680.120.887)	(2.031.881.108)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(8.680.120.887)</u>	<u>(2.031.881.108)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>(1.736)</u>	<u>(640)</u>

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2014

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hải

Hoàng Văn Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(8.680.120.887)	(2.031.881.108)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.728.126.778	695.158.863
- Các khoản dự phòng	03	1.135.587.599	(968.004.469)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.729.561.675)	1.117.666.734
- Chi phí lãi vay	06	1.948.470.929	6.295.424.514
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(5.597.497.256)	5.108.364.534
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(54.871.058.262)	6.041.491.555
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	16.628.572.725	1.814.813.615
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	34.436.720.400	(8.696.936.817)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(347.679.190)	(1.235.347.018)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.524.105.117)	(847.507.992)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	298.465.000	1.029.863.836
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.700.000)	(79.560.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.984.281.700)	3.135.181.713
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(826.401.324)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	300.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(995.496.564)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(4.150.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.533.199.211	17.578.159
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11.537.702.647	(4.958.523.165)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
		Năm nay	Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	19.089.630.606	11.952.743.854	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(25.906.851.180)	(11.200.678.111)	
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(776.392.756)	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.593.613.330)	752.065.743	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.040.192.383)	(1.071.275.709)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.015.744.820	4.807.023.656
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	2.975.552.437	3.735.747.947

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp, Sản xuất
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây lắp các công trình giao thông, thủy điện, bưu điện, hệ thống điện đến 220KV, hệ thống cấp thoát nước công nghiệp và dân dụng; Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh nhà máy điện;
 - Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Thi công xây lắp hệ thống điện đến 220KV;
 - Kinh doanh thép, xi măng, chất phụ gia bê tông, vật tư, thiết bị xây dựng; Kinh doanh vật liệu không nung; Kinh doanh điện; Khai thác, xử lý và cung cấp nước
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
 - Sản xuất vật liệu xây dựng không nung
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 Công ty có 220 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 238 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	04 – 25

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	6

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.521.458.083	2.587.390.291
Tiền gửi ngân hàng	454.094.354	8.428.354.529
Cộng	<u>2.975.552.437</u>	<u>11.015.744.820</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
<i>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</i>		<i>5.349.963.991</i>		<i>5.349.963.991</i>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (STP)	20	300.000	20	300.000
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý (VIS)	10.000	100.000.000	10.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà	40	400.000	40	400.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà	81.500	815.000.000	81.500	815.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà (SDP)	135.487	1.432.289.991	135.487	1.432.289.991
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (SHN)	184	1.974.000	184	1.974.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (SCL)	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
<i>Cho vay ngắn hạn</i>		<i>995.496.564</i>		<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Việt - Lào		995.496.564		-
Cộng		<u>6.345.460.555</u>		<u>5.349.963.991</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	593.765.391
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	(18.864.500)
Số cuối kỳ	<u>574.900.891</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động kinh doanh thương mại	24.108.230.263	167.046.033
Hoạt động xây lắp	81.965.037.015	71.994.367.202
Hoạt động sản xuất công nghiệp	174.719.310	174.719.310
Cung cấp dịch vụ	30.134.609.150	36.878.611.159
Hoạt động khác	1.976.913.820	2.468.236.942
Cộng	<u>138.359.509.558</u>	<u>111.682.980.646</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động xây lắp	7.365.024.354	7.071.131.378
Hoạt động sản xuất công nghiệp	1.782.695.200	1.782.695.200
Cung cấp dịch vụ	515.470.630	193.213.420
Hoạt động khác	68.300.000	3.907.875.044
Cộng	<u>9.731.490.184</u>	<u>12.954.915.042</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	738.942.555	852.038.343
Chi phí vận chuyển tại các công trình	1.373.130.368	1.373.130.368
Phải thu các đội thi công	24.294.736.420	11.748.290.884
Lãi cho vay	3.261.876.527	14.065.514.063
Ban điều hành dự án Thủy điện Tuyên Quang	411.894.301	411.894.301
Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	2.632.098.122	2.632.098.122
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Điện Tây Bắc	2.246.522.618	3.246.522.618
Chi trả BHXH thay BHXH tỉnh Hòa Bình	-	141.664.197
Tiền xử lý trách nhiệm	2.398.880.584	-
Tiền tạm ứng của CBCNV đã nghỉ việc	3.789.608.390	-
Các khoản phải thu khác	805.328.315	256.757.416
Cộng	<u>41.953.018.200</u>	<u>34.727.910.312</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	14.861.639.016	13.878.590.514
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	14.861.639.016	13.878.590.514
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>14.861.639.016</u>	<u>13.878.590.514</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	13.878.590.514
Trích lập dự phòng bổ sung	983.048.502
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	<u>14.861.639.016</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.704.316.664	5.729.377.726
Công cụ, dụng cụ	22.029.094	9.646.098
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	62.919.813.083	73.516.107.486
Thành phẩm	447.455.206	447.455.206
Hàng hóa	12.720.466.457	18.740.066.713
Cộng	<u>81.814.080.504</u>	<u>98.442.653.229</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	174.409.461	12.656.057
Chi phí sửa chữa khác	29.135.109	-
Cộng	<u>203.544.570</u>	<u>12.656.057</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	31.957.684.237	26.698.710.356
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	178.980.000	477.445.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	251.573.000	850.605.772
Cộng	<u>32.388.237.237</u>	<u>28.026.761.128</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	9.538.169.955	7.896.345.685	7.375.552.169	335.930.610	25.145.998.419
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	9.538.169.955	7.896.345.685	7.375.552.169	335.930.610	25.145.998.419
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.093.807.709	3.994.168.026	5.591.873.988	82.082.165	11.761.931.888
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.118.433.571	6.788.227.484	6.377.638.116	288.601.871	17.572.901.042
Khấu hao trong kỳ	335.127.893	211.029.936	252.044.467	20.180.344	818.382.640
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	4.453.561.464	6.999.257.420	6.629.682.583	308.782.215	18.391.283.682
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.419.736.384	1.108.118.201	997.914.053	47.328.739	7.573.097.377
Số cuối kỳ	5.084.608.491	897.088.265	745.869.586	27.148.395	6.754.714.737
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Là giá trị Dây chuyền sản xuất gạch nhẹ bê tông bọt công suất 30.000 m³/năm

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	10.685.299.943	742.027.775	9.943.272.168
Tăng trong kỳ	-	890.433.330	-
Giảm trong kỳ	-	-	(890.433.330)
Số cuối kỳ	10.685.299.943	1.632.461.105	9.052.838.838

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	965.540.364	34.169.524	999.709.888
Tăng trong kỳ	-	-	-
<i>Mua trong kỳ</i>	-	-	-
Số cuối kỳ	965.540.364	34.169.524	999.709.888
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	34.169.524	34.169.524

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	239.845.831	34.169.524	274.015.355
Tăng trong kỳ	19.310.808	-	19.310.808
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	259.156.639	34.169.524	293.326.163
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	725.694.533	-	725.694.533
Số cuối kỳ	706.383.725	-	706.383.725

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí đầu tư máy kéo thẳng thép bằng phương pháp thủy lực

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Vốn góp liên danh				
Công ty Sản xuất Thương mại BMM ⁽ⁱ⁾		69.957.550.618		77.246.023.372
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc ⁽ⁱⁱ⁾	708.000	7.080.000.000	708.000	7.080.000.000
Cộng		77.037.550.618		84.326.023.372

(i) Là khoản đầu tư liên danh vào Công ty Sản xuất Thương mại BMM (sau đây viết tắt là BMM) theo hợp đồng Liên danh số 107/2008/HĐLD ngày 05/6/2008 về việc liên danh xây dựng và khai thác Dự án nhà ở cao cấp BMM tại phường Phúc La, Hà Đông. BMM góp bằng giá trị quyền sử dụng đất tương đương tỷ lệ 63%, Công ty góp bằng giá trị xây lắp tương đương tỷ lệ 37%. Theo phụ lục hợp đồng liên danh số 01/2010/HĐLD SDD12-BMM và phụ lục hợp đồng liên danh số 02/2013/HĐLD SDD12-BMM ngày 30/9/2013 hai bên thỏa thuận lại BMM góp bằng giá trị quyền sử dụng đất tương đương với 80%, Công ty góp bằng giá trị xây lắp tương đương 20% giá trị đầu tư dự án. Tổng vốn đầu tư của dự án theo quyết định số 14/QĐ/BQLDA ngày 06/8/2009 là 312.786.000.000 VND đã trừ chi phí sử dụng đất và giải phóng mặt bằng. Lợi nhuận Công ty được hưởng là 20% thu nhập sau thuế của dự án.

(ii) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc 22% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.080.000.000 VND, tương đương 22% vốn điều lệ (số đầu năm là 7.080.000.000 VND, tương đương 22% vốn điều lệ)..

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	900.000	9.000.000.000	900.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mực	194.000	1.940.000.000	194.000	1.940.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess	45.750	457.500.000	375.350	3.753.500.000
Cộng		11.397.500.000		14.693.500.000

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess: giảm do tách sổ cổ đông tương ứng với 329.600 cổ phiếu cho các cá nhân ủy thác đầu tư qua Công ty.

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	1.506.473.535	1.335.069.938
<i>Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác</i>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	1.341.083.688	1.341.083.688
Cộng	2.847.557.223	2.676.153.626

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	2.676.153.626
Trích lập dự phòng bổ sung	171.403.597
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	2.847.557.223

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí phát sinh trong kỳ		Phân bổ vào chi phí trong kỳ	
	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Chi phí công cụ dụng cụ	192.539.871	82.910.353	106.725.703	168.724.521
Chi phí sửa chữa lắp đặt	739.094.395	312.419.326	130.781.676	920.732.045
Chi phí điện sáng	5.673.926	-	1.031.623	4.642.303
Cộng	937.308.192	395.329.679	238.539.002	1.094.098.869

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.809.630.605	18.165.051.179
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây⁽ⁱ⁾</i>	<i>9.809.630.605</i>	<i>12.165.051.179</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt⁽ⁱⁱ⁾</i>	-	6.000.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	14.045.975.500	12.507.775.500
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>	-	3.000.000.000
<i>Các cá nhân khác</i>	<i>14.045.975.500</i>	<i>9.507.775.500</i>
Cộng	<u>23.855.606.105</u>	<u>30.672.826.679</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây để trả lương, chi phí nguyên vật liệu và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài xây lắp và ngoài cung cấp vật tư, thiết bị với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng.
- (ii) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 297.13.056.1423521.TD ngày 12/12/2013, hạn mức 2 tỷ, lãi suất theo từng lần giải ngân, kỳ hạn: 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích thanh toán tiền tro bay, tài sản đảm bảo là: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01.13.056.1423521 giá trị 4.200.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	18.165.051.179	9.809.630.606	18.165.051.180	9.809.630.605
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây</i>	<i>12.165.051.179</i>	<i>9.809.630.606</i>	<i>12.165.051.180</i>	<i>9.809.630.605</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt</i>	<i>6.000.000.000</i>	-	<i>6.000.000.000</i>	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	12.507.775.500	9.280.000.000	7.741.800.000	14.045.975.500
Cộng	<u>30.672.826.679</u>	<u>19.089.630.606</u>	<u>25.906.851.180</u>	<u>23.855.606.105</u>

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động kinh doanh thương mại	43.319.697.745	824.149.133
Hoạt động xây lắp	27.277.470.516	31.137.701.896
Hoạt động sản xuất công nghiệp	1.006.646.082	1.006.646.082
Cung cấp dịch vụ	21.584.840.558	46.228.105.049
Hoạt động khác	1.452.114.574	1.797.327.415
Cộng	<u>94.640.769.475</u>	<u>80.993.929.575</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động xây lắp	19.537.252.011	12.927.448.547
Cung cấp dịch vụ	848.103.313	873.103.313
Cộng	<u>20.385.355.324</u>	<u>13.800.551.860</u>

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.526.182.389	4.603.467.271	1.058.747.824	18.070.901.836
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.859.097.656	-	-	5.859.097.656
Thuế thu nhập cá nhân	1.132.798.657	107.904.301	6.863.081	1.233.839.877
Tiền thuê đất	331.295.690	260.542.400	167.771.000	424.067.090
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.018.943.525	1.467.583.569	-	6.486.527.094
Cộng	<u>26.868.317.917</u>	<u>6.445.497.541</u>	<u>1.239.381.905</u>	<u>32.074.433.553</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.680.120.887)	(2.031.881.108)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	(8.680.120.887)	(2.031.881.108)
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	(8.680.120.887)	(2.031.881.108)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>-</u>	<u>-</u>

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê văn phòng	720.609.788	1.791.146.596
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	288.746.667	312.000.000
Phí kiểm toán	351.000.000	260.000.000
Chi phí các công trình	18.916.329.967	4.802.724.804
Chi phí khác	227.959.902	373.576.035
Cộng	<u>20.504.646.324</u>	<u>7.539.447.435</u>

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.043.610.518	1.148.594.732
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	8.392.106.440	7.045.605.617
Bảo hiểm thất nghiệp	119.449.168	123.743.401
Tiền hoàn ứng các công trình	5.129.359.524	6.093.289.561
Lãi tiền vay phải trả CBCNV	527.401.828	1.103.036.016
Quỹ Sông Đà	35.947.353	35.947.353
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.500.000.000	7.500.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	1.100.081.424	1.100.081.424
Thu hộ Công ty Sản xuất Thương mại BMM tiền bán căn hộ	43.906.065.046	-
Lãi chậm nộp BHXH	1.675.368.833	1.387.810.617
Phải trả khác	5.834.795.030	4.716.328.148
Cộng	<u>75.264.185.164</u>	<u>30.254.436.869</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	288.377.440
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-
Chi quỹ	(7.700.000)
Số cuối kỳ	<u>280.677.440</u>

26. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền bán nhà thu theo hợp đồng liên danh với Công ty Sản xuất Thương mại BMM đang chờ quyết toán	57.645.053.562	-
Tiền ủy thác đầu tư của CBCNV	14.081.635.000	-
Cộng	<u>71.726.688.562</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

27. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên		6.930.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	-	2.572.100.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc	-	4.387.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PV Inconess	-	3.753.500.000
Tiền mua nhà chung cư BMM	-	108.184.118.162
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng ACB	4.140.515.795	7.503.355.795
Cộng	<u>4.140.515.795</u>	<u>133.330.473.957</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Giảm do phân loại lại</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	6.930.000.000	-	-	6.930.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	2.572.100.000	-	-	2.572.100.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc	4.387.400.000	-	-	4.387.400.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư PV Inconess	3.753.500.000	-	-	3.753.500.000	-
Tiền mua căn hộ chung cư BMM	108.184.118.162	-	-	108.184.118.162	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng ACB	7.503.355.795	-	776.392.756	2.586.447.244	4.140.515.795
Cộng	<u>133.330.473.957</u>	<u>-</u>	<u>776.392.756</u>	<u>128.413.565.406</u>	<u>4.140.515.795</u>

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	12.629.317.961	3.004.237.106	143.723.720	65.777.278.787
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	(8.680.120.887)	(8.680.120.887)
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	143.723.720	-	(143.723.720)	-
Số dư cuối kỳ này	<u>50.000.000.000</u>	<u>12.773.041.681</u>	<u>3.004.237.106</u>	<u>(8.680.120.887)</u>	<u>57.097.157.900</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	100.580.149.896	62.266.916.060
- <i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	23.297.088.137	45.218.344.169
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	56.884.822.425	-
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	20.398.239.334	16.774.461.431
- <i>Doanh thu hoạt động khác</i>	-	274.110.460
Các khoản giảm trừ doanh thu:	16.228.410	449.076.661
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	16.228.410	449.076.661
Doanh thu thuần	<u>100.563.921.486</u>	<u>61.817.839.399</u>
<i>Trong đó:</i>	-	-
- <i>Doanh thu thuần hoạt động xây dựng</i>	23.297.088.137	45.191.485.987
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	56.868.594.015	-
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	20.398.239.334	16.352.242.952
- <i>Doanh thu hoạt động khác</i>	-	274.110.460

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	24.699.939.019	37.302.249.315
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	55.543.793.346	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.252.211.763	15.333.641.131
Giá vốn hoạt động khác	-	49.681.546
Cộng	<u>97.495.944.128</u>	<u>52.685.571.992</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	39.210.925	15.935.159
Lãi tiền cho vay	1.594.561.675	2.126.894.699
Cổ tức, lợi nhuận được chia	135.000.000	-
Cộng	1.768.772.600	2.142.829.858

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.948.470.929	6.295.424.514
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	152.539.097	(1.326.164.600)
Cộng	2.101.010.026	4.969.259.914

5. Chi phí bán hàng

Là chi phí bằng tiền khác

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.604.488.528	3.286.481.968
Chi phí vật liệu quản lý	352.290.924	296.871.863
Chi phí đồ dùng văn phòng	191.893.121	56.777.329
Chi phí khấu hao tài sản cố định	242.634.765	324.075.988
Thuế, phí và lệ phí	67.903.412	46.491.505
Chi phí dự phòng	983.048.502	358.160.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.119.208.782	860.692.323
Chi phí bằng tiền khác	2.345.634.471	1.966.635.838
Cộng	8.907.102.505	7.196.186.945

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền điện, nước	-	432.185.485
Thu nhập từ bán phế liệu	-	677.034.272
Thuế đất được miễn giảm	-	352.071.000
Thu nhập khác	3.287.906	60.305.500
Cộng	3.287.906	1.521.596.257

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	-	1.745.735.070
Tiền phạt chậm nộp thuế	1.467.583.569	-
Lãi chậm nộp BHXH	564.590.976	889.936.711
Chi phí khác	2.700.278	27.455.990
Cộng	2.034.874.823	2.663.127.771

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.680.120.887)	(2.031.881.108)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(1.170.441.847)
- Chi phí không được trừ		(1.170.441.847)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(8.680.120.887)	(3.202.322.955)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.736)	(640)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	393.646.426	1.033.144.697

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Việt - Lào	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Sông Đà		
Trả tiền vay	3.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Việt - Lào		
Cho vay ngắn hạn	995.496.564	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long		
Phải thu tiền khối lượng công trình	1.298.785.938	1.298.785.938
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Việt - Lào		
Tiền cho vay	995.496.564	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		
Phải thu tiền khối lượng công trình	340.227.933	2.786.360.802
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn		
Phải thu tiền khối lượng công trình	555.881.000	555.881.000
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà		
Phải thu tiền khối lượng công trình	120.000.000	120.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội		
Phải thu tiền khối lượng công trình	-	103.161.762
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc		
Phải thu tiền khối lượng công trình	2.243.128.578	2.243.128.578
Cộng nợ phải thu	5.553.520.013	7.107.318.080
Tổng Công ty Sông Đà		
Tiền vay	-	3.000.000.000
Cộng nợ phải trả	-	3.000.000.000

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Lĩnh vực 01: Hoạt động xây lắp.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động kinh doanh thương mại.
- Lĩnh vực 03: Cung cấp dịch vụ
- Lĩnh vực 04: Hoạt động khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh thương mại	Cung cấp dịch vụ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	23.297.088.137	56.868.594.015	20.398.239.334	-	100.563.921.486
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.297.088.137	56.868.594.015	20.398.239.334	-	100.563.921.486
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.402.850.882)	1.324.800.669	3.146.027.571	-	3.067.977.358
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(9.384.273.902)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(6.316.296.544)
Doanh thu hoạt động tài chính					1.768.772.600
Chi phí tài chính					(2.101.010.026)
Thu nhập khác					3.287.906
Chi phí khác					(2.034.874.823)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(8.680.120.887)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	91.583.843	223.557.740	80.188.096	-	395.329.679
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	249.324.826	1.499.039.532	218.301.422	-	1.966.665.780
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh thương mại	Cung cấp dịch vụ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	45.191.485.987	-	16.352.242.952	274.110.460	61.817.839.399
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.191.485.987	-	16.352.242.952	274.110.460	61.817.839.399
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.889.236.672	-	1.018.601.821	224.428.914	9.132.267.407
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(7.196.186.945)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					1.936.080.462
Doanh thu hoạt động tài chính					2.142.829.858
Chi phí tài chính					(4.969.259.914)
Thu nhập khác					1.521.596.257
Chi phí khác					(2.663.127.771)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(2.031.881.108)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.214.625.466	-	1.163.191.151	19.498.418	4.397.315.035
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	508.190.877	-	183.885.537	3.082.449	695.158.863
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động xây lập	Hoạt động kinh doanh thương mại	Cung cấp dịch vụ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	177.854.255.493	36.828.696.720	30.650.079.780	13.502.922.374	258.835.954.367
Tài sản phân bổ cho bộ phận	3.713.432.938	9.064.553.858	3.251.371.733	-	16.029.358.529
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					134.100.319.510
Tổng tài sản					<u>408.965.632.406</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	65.731.052.494	47.460.213.540	22.432.943.871	118.091.514.264	253.715.724.169
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	13.159.015.408	32.121.383.603	11.521.643.568	-	56.802.042.580
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					41.350.707.757
Tổng nợ phải trả					<u>351.868.474.506</u>
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	172.237.738.635	18.907.112.746	37.071.824.579	18.724.253.870	246.940.929.830
Tài sản phân bổ cho bộ phận	11.870.848.282	-	4.295.388.632	72.003.025	16.238.239.939
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					141.377.730.640
Tổng tài sản					<u>404.556.900.409</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	48.867.875.247	824.149.133	47.101.208.362	2.803.973.497	99.597.206.239
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	46.541.098.286	133.330.473.957	16.840.591.315	282.296.578	196.994.460.136
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					42.187.955.247
Tổng nợ phải trả					<u>338.779.621.622</u>

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.975.552.437	-	-	-	2.975.552.437
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3.915.400.000	1.434.563.991	-	-	5.349.963.991
Phải thu khách hàng	127.196.645.505	-	-	11.162.864.053	138.359.509.558
Các khoản cho vay	-	-	995.496.564	-	995.496.564
Các khoản phải thu khác	40.013.115.285	-	-	1.200.960.360	41.214.075.645
Tài sản ngắn hạn khác	178.980.000	-	-	-	178.980.000
Tài sản dài hạn khác	894.947.600	-	-	-	894.947.600
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.397.500.000	9.000.000.000	-	-	11.397.500.000
Cộng	177.572.140.827	10.434.563.991	995.496.564	12.363.824.413	201.366.025.795
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.015.744.820	-	-	-	11.015.744.820
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3.915.400.000	1.434.563.991	-	-	5.349.963.991
Phải thu khách hàng	100.915.971.095	-	-	10.767.009.551	111.682.980.646
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	32.604.747.412	-	-	1.129.460.360	33.734.207.772
Tài sản ngắn hạn khác	477.445.000	-	-	-	477.445.000
Phải thu dài hạn khác	894.947.600	-	-	-	894.947.600
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.693.500.000	9.000.000.000	-	-	14.693.500.000
Cộng	155.517.755.927	10.434.563.991	-	11.896.469.911	177.848.789.829

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	23.855.606.105	4.140.515.795	-	27.996.121.900
Phải trả người bán	94.640.769.475	-	-	94.640.769.475
Chi phí phải trả	20.504.646.324	-	-	20.504.646.324
Các khoản phải trả khác	78.079.337.852	-	-	78.079.337.852
Cộng	217.080.359.756	4.140.515.795	-	221.220.875.551
				-
Số đầu năm				
Vay và nợ	30.672.826.679	76.153.192.395	-	106.826.019.074
Phải trả người bán	80.993.929.575	-	-	80.993.929.575
Chi phí phải trả	7.539.447.435	-	-	7.539.447.435
Các khoản phải trả khác	20.512.735.149	-	-	20.512.735.149
Cộng	139.718.938.838	76.153.192.395	-	215.872.131.233

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.975.552.437	11.015.744.820
Các khoản cho vay	995.496.564	-
Vay và nợ	(9.809.630.605)	(18.165.051.179)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(5.838.581.604)	(7.149.306.359)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 153.030.237 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 272.475.768 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ tăng/giảm 372.454.922 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 356.714.895 VND) do giảm/tăng dự phòng. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của giá chứng khoán kỳ này không thay đổi nhiều so với kỳ trước.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01.13.056.1423521 để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 297.13.056.1423521.TD ngày 12/12/2013 (xem thuyết minh số V 21). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 4.200.000.000 VND (tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được giải chấp).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.975.552.437	-	11.015.744.820	-	2.975.552.437	11.015.744.820
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5.349.963.991	574.900.891	5.349.963.991	593.765.391	4.775.063.100	4.756.198.600
Phải thu khách hàng	138.359.509.558	11.016.311.436	111.682.980.646	10.620.456.934	127.343.198.122	101.062.523.712
Các khoản cho vay	995.496.564	-	-	-	995.496.564	-
Các khoản phải thu khác	41.214.075.645	1.200.960.360	33.734.207.772	1.129.460.360	40.013.115.285	32.604.747.412
Tài sản ngắn hạn khác	178.980.000	-	477.445.000	-	178.980.000	477.445.000
Tài sản dài hạn khác	894.947.600	-	894.947.600	-	894.947.600	894.947.600
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.397.500.000	1.341.083.688	14.693.500.000	1.341.083.688	10.056.416.312	13.352.416.312
Cộng	201.366.025.795	14.133.256.375	177.848.789.829	13.684.766.373	187.232.769.420	164.164.023.456

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	27.996.121.900	106.826.019.074	27.996.121.900	106.826.019.074
Phải trả người bán	94.640.769.475	80.993.929.575	94.640.769.475	80.993.929.575
Chi phí phải trả	20.504.646.324	7.539.447.435	20.504.646.324	7.539.447.435
Các khoản phải trả khác	78.079.337.852	20.512.735.149	78.079.337.852	20.512.735.149
Cộng	221.220.875.551	215.872.131.233	221.220.875.551	215.872.131.233

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Những thông tin khác

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

Số liệu so sánh trên Kết quả kinh doanh được lấy theo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, Công ty áp dụng phương pháp gián tiếp để lập Lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Công ty cũng đã lập lại lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để làm số liệu so sánh.

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Văn Hải
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Thái
Tổng Giám đốc